

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **453** /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2024
V/v: tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Luận

- **Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 352/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Tổ dân phố số A, phường M, quận N, Tp . (*Có mặt*).

- **Bị đơn: Anh Vũ Danh L1**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Đ, thôn T, xã T, huyện C, Tp . (*Có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng - nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Danh L1 tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 12/12/1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hai bên gia đình đã góp ý khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L1 để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh L1 có 02 con chung là Vũ Khánh L2, sinh ngày 10/10/1999 và Vũ Thu T, sinh ngày 28/6/2007. Cháu T đang ở với mẹ, cháu L2 đang ở với bố và bà nội. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu T và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Hiện chị đang làm giáo viên mầm non, thu nhập 12.000.000 đồng/ 01 tháng

Về tài sản chung và công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Vũ Danh L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C năm 1998. Quá trình chung sống đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không đồng thuận cách giải quyết kinh tế trong gia đình dẫn đến việc vợ chồng phân chia tài sản, vợ chồng không chung sống cùng nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay các con đã lớn chị L xin ly hôn anh không muốn ly hôn để các con có bố mẹ chăm lo cho cuộc sống và tương lai.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Vũ Khánh L2, sinh ngày 10/10/1999 và Vũ Thu T, sinh ngày 28/6/2007. Hiện tại cháu L2 đã trưởng thành đang ở với bố, cháu T đang ở với mẹ. Nếu phải ly hôn các con muốn ở với ai anh cũng đồng ý.

Anh L1 đang lái xe tắc xi, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/ 01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến đương sự tại phiên tòa:

- Chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn anh L1. Về con chung: Cháu Vũ Khánh L2, sinh ngày 10/10/1999 đã đến tuổi trưởng thành; chị L xin nuôi cháu Vũ Thu T, sinh ngày 28/6/2007 và không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Danh L1. Về con chung: Cháu Vũ Khánh L2 đã trên 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần. Giao chị L được quyền nuôi dưỡng con chung là Vũ Thu T. Tạm hoãn việc cấp

dưỡng nuôi con chung cho anh L1. Về tài sản, công sức, công nợ: không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Vũ Danh L1. Anh L1 đang cư trú tại thôn T, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Vũ Danh L1 có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Danh L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 12/12/1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là Tp . là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của hai bên cho thấy: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2019 đến nay. Trước yêu cầu của chị L xin ly hôn anh L1 không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên hòa giải nhưng anh L1 không đến tham gia phiên hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị L xin ly hôn anh L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Chị L và anh L1 xác nhận có 02 con chung là Vũ Khánh L2, sinh ngày 10/10/1999 và Vũ Thu T, sinh ngày 28/6/2007. Khi ly hôn chị L xin nuôi cháu T, cháu L2 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần.

Xét việc xin nuôi con chung: Cháu T trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ. Từ khi vợ chồng ly thân cháu T vẫn đang ở ổn định với chị L. Chị L có đủ điều kiện nuôi dạy con chung, cháu T là con gái sắp đến tuổi trưởng thành rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Trên cơ sở xem xét điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con chung, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung cần giao chị L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Thu T cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L1 đến khi có quyết định thay đổi khác.

[2.4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị L và anh L1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Danh L1.

2. Về con chung: Chị L và anh L1 xác nhận có 02 con chung là Vũ Khánh L2, sinh ngày 10/10/1999 và Vũ Thu T, sinh ngày 28/6/2007. Cháu Vũ Khánh L2 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, tinh thần nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 con chung là Vũ Thu T, sinh ngày 28/6/2007 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Vũ Danh L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L1 đến khi có Quyết định thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002247 ngày 24/7/2024.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Vũ Danh L1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Đương sự;
- UBND xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Lợi